TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 19-8-2024.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Hoài Hiêm;

Ông Vương Văn Mum.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị Thu T, sinh năm 1992 - Xin vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp T L, xã Đ T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Anh Dư Hoàng H, sinh năm 1983 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp T S, xã Đ T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phan Thị Thu T trình bày:

Chị và anh H chung sống với nhau từ năm 2014, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã Đ T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với mẹ chồng tại ấp T S, xã Đ T, huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Đến năm 2022 thì vợ chồng ra sống riêng cũng tại ấp T S, xã Đ T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, cách nhà mẹ chồng khoảng 200m. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi chị sinh con thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không chịu đi làm, không có nghề nghiệp ổn định, không phụ chị lo chi phí

nuôi con, sinh hoạt trong gia đình, cũng không phụ giúp chị chăm sóc con, tất cả mọi việc trong gia đình chỉ có một mình chị lo. Anh H còn thường xuyên vắng nhà nhưng đi đâu, làm gì thì chị không biết. Vợ chồng tự ly thân từ tháng 12-2023 nhưng vẫn sống chung nhà. Khoảng hơn 3 tháng nay, chị dẫn con về nhà mẹ ruột chị sống tại ấp T L, xã Đ T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Từ khi ly thân, chị và anh H không ai đặt vấn đề đoàn tụ.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 một con chung tên Dư Kim N, sinh ngày 06-10-2015, hiện đang sống chung với chị T. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập anh Dư Hoàng H đến Toà lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng anh H không đến nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của anh H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Thu T yêu cầu được ly hôn anh Dư Hoàng H.

Về con chung: Giao cháu Dư Kim N, sinh ngày 06-10-2015 cho chị Phan Thị Thu T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh Dư Hoàng H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phan Thị Thu T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Dư Hoàng H vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ T, huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 12-2023 đến nay mà không ai đặt vấn đề đoàn tụ. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày là do anh H không phụ chị lo chi phí nuôi con, sinh hoạt trong gia đình, cũng không phụ giúp chị chăm sóc con, tất cả mọi việc trong gia đình chỉ có một mình chị lo; anh H còn thường xuyên vắng nhà nhưng đi đâu, làm gì thì chị không biết. Qua xác minh tại địa phương nơi chị T và anh H sinh sống không thể hiện được giữa chị T và anh H có mâu thuẫn gì, nhưng chị T đã bỏ về nhà mẹ ruột sống từ tháng 5-2024. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời anh H đến Tòa trình bày ý kiến, tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh H đều không đến, chứng tỏ anh H không có thiện chí hàn gắn với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh H trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Dư Kim N, sinh ngày 06-10-2015, hiện đang sống chung với chị T. Nay chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hỏi ý kiến cháu N, cháu cũng có nguyện vọng được theo sống với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu N còn nhỏ và là nữ cần có sự chăm sóc của người mẹ, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N với mức cấp dưỡng bằng ½ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử là 2.340.000 đồng/2, tương đương số tiền 1.170.000 đồng/tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu N thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án.

[6] Án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thu T về việc yêu cầu ly hôn anh Dư Hoàng H.

Chị Phan Thị Thu T được ly hôn anh Dư Hoàng H.

2. Về con chung: Giao cháu Dư Kim N, sinh ngày 06-10-2015 cho chị Phan Thị Thu T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Dư Hoàng H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Dư Kim N số tiền 1.170.000 đồng/tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu N đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Phan Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015587 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Dư Hoàng H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

5. Báo cho chị T, anh H biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Đ T;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Linh Ngọc